

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2019/DS-ST

Ngày: 22-10-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Phượng;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 233/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXXST-DS ngày 03/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2019/QĐST-DS ngày 26/9/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Kim N, sinh năm 1961; địa chỉ: Khu phố C, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố M, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2019, và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Kim N trình bày như sau:

Do là chỗ quen biết nên vào ngày 29/9/2015, bà N có cho bà Trần Thị Thanh T vay với số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), không thỏa thuận thời hạn vay, thỏa thuận miệng với nhau lãi suất 5%/tháng, nhưng kể từ khi bà T vay tiền của bà N, thì bà T chưa có thanh toán tiền lãi cũng như tiền gốc cho bà. Khi

vay thì thì bà T có đưa cho bà N những giấy tờ sau; bản gốc sổ hộ khẩu, 01 CMND, tên bà Trần Thị Thanh T; 01 giấy đăng ký xe. Ngày 20/5/2019, bà N đã gửi thông báo đòi nợ đến cho bà T, nhưng đến nay đã hết thời hạn thông báo nhưng bà T vẫn không trả tiền cho bà N.

Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Thanh T phải thanh toán cho bà số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 29/9/2015 cho đến khi xét xử, bà sẽ trả cho bà T 01 bản gốc sổ hộ khẩu, 01 CMND, còn giấy đăng ký xe thì bà đã trả cho bà T.

- Bị đơn là bà Trần Thị Thanh T đã được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện cũng như đến tham gia các phiên hòa giải, xét xử tại Tòa án nhưng bà T vắng mặt không có lý do.

Ngoài ra, bà Trần Kim N không trình bày thêm vấn đề nào khác cũng như không cung cấp thêm chứng cứ gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu nhận xét về việc thực hiện quá trình tố tụng như sau: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa của Hội đồng xét xử là đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các hồ sơ có trong vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim N là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bà Trần Thị Thanh T có nơi cư trú tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là bà Trần Thị Thanh T mặc dù đã được Tòa án thông báo việc bị khởi kiện. Tuy nhiên bà T không có văn bản thể hiện ý kiến về việc bị khởi kiện cũng như vắng mặt tại các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án mà không có lý do. Như vậy, bà T đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T là phù hợp với quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 29/9/2015, giữa bà N và bà T đã xác lập giấy mượn tiền có nội dung:

“Tôi tên Trần Thị Thanh T hiện ngụ tại số nhà A khu phố M phường T. Tôi có mượn của dì N số tiền 3.000.000 đồng, tôi có để lại 1 sổ hộ khẩu, 1 chứng minh, 1 giấy đăng ký xe để làm tin ngày 29.09.2015”.

Giấy vay tiền như trên là hợp đồng vay tài sản, tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thể hiện trong hợp đồng không trái pháp luật. Do đó, hợp đồng nêu trên đã phát sinh hiệu lực buộc các bên phải tuân thủ thực hiện. Khi đến hạn thanh toán nhưng bà Trần Thị Thanh T không thanh toán cho bà N. Do đó bà N khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán khoản vay là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với yêu cầu tính lãi của bà N đối với bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà N cho rằng các bên có thuận lãi suất là 5%/tháng. Tuy nhiên, tại Giấy nợ trên không thể hiện nội dung thỏa thuận tiền lãi cũng như bà N không cung cấp được chứng cứ có giá trị chứng minh cho yêu cầu của mình. Do vậy, cần buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn đối với khoản nợ chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ theo quy định tại Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 và thời điểm trả nợ là ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/10/2019) theo quy định tại Nghị quyết số 01/2009/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Mức lãi tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về lãi suất cơ bản là 9%/năm (0,75%/tháng).

Việc tính lãi được xác định như sau:

- Ngày vay 29/9/2015 đến ngày 22/10/2019 (ngày xét xử sơ thẩm), tổng cộng là 49 tháng 23 ngày. Như vậy, lãi suất được tính như sau: 3.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 49 tháng 23 ngày = 1.118.500 đồng (một triệu một trăm mười tám ngàn năm trăm đồng).

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 4.118.500 đồng (Bốn triệu một trăm mười tám ngàn năm trăm đồng).

Khi cho vay nguyên đơn có giữ của bị đơn sổ hộ khẩu, 01 CMND, tên bà Trần Thị Thanh T; 01 giấy đăng ký, giấy đăng ký xe nguyên đơn đã trả lại cho bị đơn. Xét những giấy tờ trên không liên quan đến nội dung vụ án nên cần trả lại cho bị đơn.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim N đối với bị đơn bà Trần Thị Thanh T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim N được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227, 228 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 122, Khoản 2 Điều 305, Điều 401, 402, 405, 427, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim N đối với bị đơn bà Trần Thị Thanh T về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Kim N tổng số tiền 4.118.500 đồng (Bốn triệu một trăm mười tám ngàn năm trăm đồng), trong đó có 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền nợ gốc và 1.118.500 đồng (một triệu một trăm mười tám ngàn năm trăm đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Buộc bà Trần Kim N trả cho bà Trần Thị Thanh T những giấy tờ sau:

+ 01 sổ hộ khẩu số 080081433 họ và tên chủ hộ Trần Thị Thanh T (bản chính).

+ 01 CMND tên Trần Thị Thanh T (bản chính).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Trần Kim N số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Số AA/2016/0034053 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp.TDM;
- Chi cục THADS Tp.TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Ngọc Hương

